

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2026/HNGĐ-ST

Ngày 11/02/2026

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - GIA LAI, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Long Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Siêng

2. Ông Nguyễn Hồng Ngân

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Xuân Diệu - Thư ký Tòa án khu vực 6 - Gia Lai.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Trường Minh Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2025; về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 150/2026/QĐST-HNGĐ ngày 26/01/2026 giữa các đương sự;

- ***Nguyên đơn:*** Bà Trần Thị Oanh B, sinh ngày 01/01/1972 (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

Căn cước công dân số: 052172020791 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 28/9/2021.

Quê quán: Phường H, tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường H, tỉnh Gia Lai.

- ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Hữu T, sinh ngày 02/9/1981 (Vắng mặt lần 2 không lý do).

Căn cước công dân số: 052072005471 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 27/12/2021.

Quê quán: Phường H, tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường H, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27 tháng 8 năm 2025 và lời khai của nguyên đơn bà Trần Thị Oanh B trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị Oanh B và ông Nguyễn Hữu T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 17/02/1997 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Bình Định (nay là phường H, tỉnh Gia Lai). Trong thời gian chung sống mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng sống bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, rồi vợ chồng tự sống xa cách nhau, không ai quan tâm gì đến ai. Nay thấy hôn nhân không hạnh phúc nên bà B yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Hữu T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Hoài T1, sinh năm 1997 và Nguyễn Nhật T2, sinh năm 2000. Hai con chung đều đã trưởng thành và có thể tự lo được cho bản thân nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu T: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án, yêu cầu ông Nguyễn Hữu T có mặt tại Tòa để làm việc nhưng anh T vẫn vắng mặt, không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70; 72 và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ theo quy định tại các Điều 91, Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Gia Lai phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án phù hợp với quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt lần hai tại phiên tòa không có lý do nên Tòa tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Oanh B được ly hôn ông Nguyễn Hữu T.

+ Về con chung: Hai con chung Nguyễn Hoài T1, sinh năm 1997 và Nguyễn Nhật T2, sinh năm 2000 đều đã trưởng thành và có thể tự lo được cho bản thân nên không xem xét.

- + Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà Trần Thị Oanh B phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án dân sự được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị Oanh B yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Hữu T nên đây là tranh chấp về “Ly hôn”; bị đơn ông Nguyễn Hữu T có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố T, phường H, tỉnh Gia Lai, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai.

[1.2] Về vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Trần Thị Oanh B có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Hữu T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Hữu T vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Trần Thị Oanh B và bị đơn ông Nguyễn Hữu T.

[2] Xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Trần Thị Oanh B và ông Nguyễn Hữu T tự nguyện tìm hiểu nhau và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại ngày 17/02/1997 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Bình Định (nay là phường H, tỉnh Gia Lai) theo Giấy chứng nhận kết hôn quyển số 01, số 17; căn cứ vào Luật Hôn nhân và gia đình, hôn nhân của bà B và ông T được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà B trong quá trình giải quyết vụ án, sau khi vợ chồng ông bà đi đến hôn nhân, trong thời gian sống chung, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng sống bất đồng quan điểm, sống với nhau không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, rồi vợ chồng tự sống xa cách nhau, không ai quan tâm gì đến ai. Nay thấy hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà B yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà B được ly hôn với ông Nguyễn Hữu T.

Hội đồng xét xử xét thấy, giữa bà B và ông T trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nên kể từ khi nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn đến

nay vợ chồng bà B ông T không còn sống chung với nhau, không ai quan tâm gì đến ai. Nay, bà B kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T vắng mặt không có lý do. Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn giữa bà B và ông T đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà B yêu cầu được ly hôn với ông T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà B và ông T có 02 con chung là Nguyễn Hoài T1, sinh năm 1997 và Nguyễn Nhật T2, sinh năm 2000 đều đã trưởng thành, có thể tự lo được cho bản thân và bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về vấn đề con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Gia Lai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trần Thị Oanh B được ly hôn với ông Nguyễn Hữu T.

2. Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung khi ly hôn: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà Trần Thị Oanh B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) sung công quỹ Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà B đã nộp theo biên lai thu số 0003894 ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 6 - Gia Lai;
- UBND phường Hoài Nhơn Đông
(Giấy chứng nhận kết hôn quyền số 01,
số 17 ngày 17/02/1997 tại UBND xã
Hoài Hương cũ);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Long Nhiên

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Huỳnh Long Nhiên